

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HSST
Ngày 05 -7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên

Ông Nguyễn Hải Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2021/TLST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 01/TB- TA ngày 22 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Nh, sinh năm 1971; tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Hữu V và bà: Trần Thị A; có chồng: Ông Thế H và 02 con lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1998; **tiền án, tiền sự, nhân thân:** không;

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 17/12/2020 đến ngày 20/12/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ông Thế H, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Cư trú tại: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Thị Đ (tên thường gọi: Th), sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Khu 3, xã Ng, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Ngh (tên thường gọi: H), sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Thôn A, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ ngày 17/12/2020, tại nhà nghỉ Anh Tuấn ở tổ dân phố 3, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do Hoàng Thị Nh, sinh năm 1971, ở thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang làm quản lý, tổ công tác Công an huyện Y tiến hành kiểm tra bắt quả tang tại phòng nghỉ số 202 của nhà nghỉ có một đôi nam nữ đang quan hệ tình dục, đó là anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982, ở tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971, ở khu 3, xã Ng, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ tại phòng nghỉ số 201 một bao cao su chưa qua sử dụng; thu tại phòng nghỉ số 202 một bao cao su đã qua sử dụng và một vỏ bao cao su;

- Thu giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự đối với cơ sở kinh doanh của Ong Thế H; 01 giấy chứng nhận an toàn phòng cháy và chữa cháy; 01 Quyết định về việc loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch;

- Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu trắng có ốp nhựa màu trắng của Hoàng Thị Nh; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-210, màu đen của Nguyễn Thị Đ và số tiền 2.295.000 đồng;

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y tiến hành khám xét khẩn cấp Nhà nghỉ Anh Tuấn thu giữ:

- Thu giữ tại hộp caxton trên mặt quầy lễ tân 07 bao cao su nhãn hiệu CONDOM màu xanh; 11 bao cao su nhãn hiệu DOCTOR màu trắng đều chưa qua sử dụng;

- Thu giữ trong xô nhựa trên mặt quầy lễ tân 10 bao cao su nhãn hiệu Condom màu xanh; 08 bao cao su nhãn hiệu Doctor màu trắng và 01 bao cao su nhãn hiệu VIP màu vàng, tất cả đều chưa qua sử dụng;

- Thu giữ trong ngăn kéo quầy lễ tân 03 bao cao su nhãn hiệu ROCMEN màu đen trắng đều chưa qua sử dụng;

- Thu giữ trong ngăn tủ để giày ở chân cầu thang 02 hộp bao cao su nhãn hiệu MALE LATEX CONDOM, mỗi hộp có 144 chiếc đều chưa qua sử dụng;

- Thu giữ trong túi xách để trong két sắt tại phòng ngủ tầng 1: 01 hộ chiếu mang tên Hoàng Thị Nh; 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Ông Thế H và số tiền 41.450.000 đồng;

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Thị Nhung khai nhận:

Bản thân Nh làm nghề kinh doanh nhà nghỉ Anh Tuấn tại Tổ dân phố 3, thị trấn Nh, huyện Y. Trong quá trình kinh doanh nhà nghỉ Nh quen biết Nguyễn Thị Đ (thường gọi là Th), sinh năm 1971, ở khu 3, xã Ng, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, hiện đang ở trọ tại Tổ dân phố 4, thị trấn Nh, huyện Y và Nguyễn Thị Ngh (thường gọi là H), sinh năm 1968, ở thôn A, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện đang ở trọ tại thôn T, xã C, huyện Y đều là gái bán dâm. Nh thỏa thuận với Đ và Ngh khi nào có khách đến nhà nghỉ có nhu cầu mua dâm thì Nh gọi điện cho Đ và Ngh đến để bán dâm. Mỗi lần bán dâm xong, Nh trả cho Đ và Ngh mỗi người từ 150.000đ đến 200.000đ, Đ và Ngh đồng ý.

Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 17/12/2020, Nh đang ở nhà nghỉ có 02 thanh niên đến, sau này Nh mới biết đó là Hoàng Văn T, sinh năm 1982, ở tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Y và Nguyễn Văn S, sinh năm 1989, ở tổ dân phố M, thị trấn Nh, huyện Y đến nhà nghỉ của Nh tìm gái bán dâm để quan hệ tình dục. Khi gặp Nh, T bảo với Nh là: “*Có cô nào không gọi cho hai cô*”, Nh hiểu ý là T muốn mua dâm, nên nói với T là 200.000đ một lượt trên một người, 100.000đ là tiền thuê hai phòng, 50.000đ là tiền thuê xe ôm cho nhân viên, T đồng ý và đưa cho Nh 550.000đ để T và S mua dâm. Sau khi nhận tiền, Nh bảo S lên phòng 201 còn T lên phòng 202 đợi. Nh điện thoại gọi cho Đ và Ngh đến nhà nghỉ của Nh để bán dâm. Khi Ngh và Đ đến, Nh bảo Ngh lên phòng 201, còn Đ lên phòng 202 để bán dâm. Ngh vào phòng 201 gặp S đang đợi trong phòng, thấy S trẻ tuổi hơn mình, nên Ngh không bán dâm nữa mà bỏ đi khỏi nhà nghỉ.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ đang thực hiện hành vi bán dâm cho đối tượng T tại phòng 202 của nhà nghỉ thì bị tổ công tác Công an huyện Y đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang, khám xét thu giữ tang vật.

Cùng ngày 17/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra lệnh bắt người bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Thị Nh.

Cáo trạng số 38/CT- VKSYD ngày 21 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Hoàng Thị Nh về tội “ *Chứa mại dâm* ” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Thị Nh từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án, phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Giao bị cáo Nhung cho UBND xã C, huyện Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su, 41 bao cao su các loại, 02 hộp bao cao su nhãn hiệu MALELATEX CONDOM; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại OPPO F3, 01 điện thoại Nokia- 210 và 550.000 đồng. Trả lại bị cáo 1.750.000 đồng nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo Hoàng Thị Nh nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Biên bản kiểm tra ghi hỏi 14 giờ 00 phút ngày 17 tháng 12 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được đưa ra xem xét tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 17/12/2020, Hoàng Văn T, sinh năm 1982, ở tổ dân phố Đ, thị trấn Nh, huyện Y và Nguyễn Văn S, sinh năm 1989, ở tổ dân phố M, thị trấn Nh, huyện Y đi đến nhà nghỉ Anh Tuấn của Hoàng Thị Nh, sinh năm 1971, ở thôn B, xã C, huyện Y để mua dâm. T đưa cho Nh 550.000 đồng để T và S mua dâm, Nh nhận tiền, gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971, ở khu 3, xã Ng, huyện Y, tỉnh Phú Thọ hiện đang ở trọ tại Tổ dân phố 4, thị trấn Nh, huyện Y và Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1968, ở thôn A, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang hiện đang ở trọ tại thôn T, xã C, huyện Y đến phòng 201, 202 nhà nghỉ Anh Tuấn bán dâm cho T và S. Thấy S còn trẻ, nên Ngh bỏ về. Đến 14 giờ cùng ngày, khi T và Đ đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 202 thì bị tổ công tác Công an huyện Y đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ tang vật. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Hoàng Thị Nh về tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, vi phạm thuần phong mỹ tục của xã hội. Mại dâm là một trong những tệ nạn gây nguy hại cho đời sống cộng đồng như nguy cơ lây truyền các bệnh xã hội, ảnh hưởng đến sự phát triển giống nòi. Pháp luật không ngừng tuyên truyền, nghiêm cấm mọi hành vi liên quan đến mại dâm. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ khả năng nhận thức điều khiển được hành vi, nhưng bị cáo vẫn thực hành vi. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là người thờ cúng liệt sỹ. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[6] Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi

cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này không còn lần phạm tội nào khác. Xét thấy, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy chưa cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là đủ để bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[8] *Xét về hình phạt bổ sung*: Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Tại cơ quan điều tra, Nh khai ngoài lần chứa mại dâm ngày 17/12/2020 thì còn có một số lần Nh gọi Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị Ngh đến nhà nghỉ để bán dâm cho khách. Tuy nhiên, Nh không nhớ thời gian cụ thể và không nhớ người mua dâm là ai, không có sổ sách theo dõi. Bản thân Đ và Ngh khai nhận có được Nh gọi đến nhà nghỉ của Nh bán dâm vài lần trước đó nhưng Đ và Ngh không nhớ ngày, tháng, năm và không nhớ khách mua dâm là ai, ngoài lời khai không có các chứng cứ khác nên không đủ căn cứ xử lý.

[10] Đối với ông Ong Thế H chồng bị cáo đăng ký kinh doanh dịch vụ cho thuê lưu trú (nhà nghỉ Anh Tuấn) tại Tổ dân phố 3, thị trấn Nh, huyện Y. Tuy nhiên, ông H giao nhà nghỉ cho Nh quản lý. Việc Nh có hành vi chứa mại dâm tại nhà nghỉ ông H không biết. Ngoài lời khai không có những cứ khác, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý là đúng pháp luật.

[11] Đối với các đối tượng mua bán dâm là Hoàng Văn T và Nguyễn Thị Đ Công an huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T và Đ là có căn cứ.

[12] Đối với anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Ngh chưa thực hiện hành vi mua bán dâm thì Ngh bỏ về nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh Svà chị Ngh là đúng pháp luật.

[13] *Về vật chứng của vụ án gồm*:

[13.1] Đối với những vật chứng gồm: 01 sổ hộ khẩu số 040426743 có tên chủ hộ Ong Thế Hùng, 01 hộ chiếu mang tên Hoàng Thị Nh, 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự đối với cơ sở kinh doanh của Ong Thế H; 01 giấy chứng nhận an toàn phòng cháy và chữa cháy; 01 Quyết định về việc công nhận loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch và 41.450.000 đồng là

vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, ngày 20 tháng 12 năm 2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả lại Hoàng Thị Nh là có căn cứ.

[13.2] Vật chứng còn lại gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia- 210 là công cụ dùng vào việc phạm tội, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su, 41 bao cao su các loại, 02 hộp bao cao su nhãn hiệu MALE LATEX CONDOM là vật chứng không có giá trị, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 550.000đ là tiền do phạm tội mà có căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 1.745.000đ là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo, nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[14] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[15] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1, khoản 5 Điều 327, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, điểm a điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các điểm a,b,c khoản 2, khoản 3 Điều 106, Khoản 2 Điều 136 các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Nh phạm tội chứa mại dâm.

2. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Nh 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày tuyên án;

Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Thị Nh cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia- 210, số tiền 550.000đ (VNĐ);

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su, 41 bao cao su các loại, 02 hộp bao cao su nhãn hiệu MALE LATEX CONDOM.

- Trả lại bị cáo Hoàng Thị Nh 1.745.000đ (VNĐ) nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt, tiền sung công quỹ nhà nước, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- Lưu HS.VP;
- Công an huyện Y
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã C.

Bùi Thị Hương

-

